TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày 26 - 4 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần H

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Ông H Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Lâm Nhất S, sinh năm 1972; cư trú tại: ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Lâm Thanh H, sinh năm 1966; cư trú tại: ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Bà Lâm Thị Thanh Ph, sinh năm 1955; cư trú tại: ấp Cái K, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Bà Lâm Thị Thanh L, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị Thanh L, bà Lâm Thị Thanh Ph và ông Lâm Nhất S: Ông Lâm Thanh H, sinh năm 1966; cư trú tại: ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau - Hợp đồng ủy quyền ngày 21/02/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hồng Ph, sinh năm 1941; cư trú tại: Số 139 đường Nguyễn Tất THnh, khóm 1, phường 8, tHnh phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hồng Ph: Chị Đặng Bé Th, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 139 đường Nguyễn Tất Th, khóm 1, phường 8, tHnh phố Cà M, tỉnh Cà Mau - Giấy ủy quyền ngày 14/6/2021 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp Liên H, xã Khánh H, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp Liên H, xã Khánh H, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp Liên Hòa, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp Xóm R, xã Ph Đ, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp NH M, xã Khánh H, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp Xẻo S, xã Lâm H, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn Th, cư trú tại: Ấp Truyền H, xã Hm R, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Bà Trần Xuân Đ, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp 4, phường Hội Ngh, tHnh phố T U, tỉnh Bình Dương (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ:

+ Bà Phạm Thị B, cư trú tại: Ấp Truyền H, xã Hm R, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Ngh, tHnh phố T U, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Phượng L, sinh năm 1979, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Nghĩa, tHnh phố T Uyên, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1982, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Nghĩa, tHnh phố T Uyên, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

+ Anh Nguyễn Văn Đô, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Nghĩa, tHnh phố T Uyên, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

+ Ông Trần Văn Nói, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Nghĩa, tHnh phố T Uyên, tỉnh Bình Dương (vắng mặt);

+ Chị Trần Ngọc L, cư trú tại: Khu phố I, phường Hội Ngh, tHnh phố T U, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

9. Bà Võ Thị T, sinh năm 1965; cư trú tại: Số 132/42/70 đường H V, phường Thới B, quận Ninh K, tHnh phố Cần Thơ (vắng mặt).

10. Chị Lâm Thị Thanh G, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 132/42/70 đường H Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, tHnh phố Cần Thơ (vắng mặt).

11. Chị Lâm Thị Anh Đ, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 132/42/70 đường H V, phường Thới B, quận Ninh K, tHnh phố Cần Thơ (vắng mặt).

12. Bà Lâm Thị Thanh H, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp Mỹ Hưng A, xã Mỹ Đ, huyện Cái B, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

13. Anh Võ Văn T, sinh năm 1975; cư trú tại: Số 139 đường Nguyễn Tất Th, khóm 1, phường 8, tHnh phố Cà M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

14. Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1941, cư trú tại: Số 139 đường Nguyễn Tất Th, khóm 1, phường 8, thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2021 của ông Lâm Nhất S, ông Lâm Thanh H, bà Lâm Thị Thanh Ph, bà Lâm Thị Thanh L và lời trình bày của ông Lâm Thanh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện:*

Trước đây, ông bà nội ông có cho đất cha ông là Lâm Minh T và người cô (mẹ ông Nguyễn Văn D). Năm 1990 cha ông được cấp giấy chứng nhận phần đất diện tích 32.950m^2, tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Trong đó, diện tích đất trồng lá là 6.720m^2 thuộc thửa số 695, tờ bản đồ số 4, tại ấp II, xã T An, huyện Đầm D (nay là ấp Xóm D, xã Quách Ph). Phần cho cô ông, cô ông cho lại ông Nguyễn Văn D, ông D cũng được cấp giấy chứng nhận cùng thời điểm với cha ông, không rõ diện tích được cấp bao nhiêu nhưng không được cấp phần biền lá.

Năm 1989 vợ chồng ông D trông lúa không hiệu quả nên chuyển nhượng đất cho bà Trần Xuân Đ; đến năm 1991 bà Đ chuyển nhượng đất lại cho ông Nguyễn Văn T; đến năm 1995 ông T chuyển nhượng đất lại cho ông Đặng Hồng Ph. Qua các lần chuyển nhượng đều không có chuyển nhượng phần đất biền lá.

Năm 1992, cha ông bệnh và qua đời, năm 1999 mẹ ông là bà Đặng Thị Tr cũng qua đời. Toàn bộ phần đất anh em thống nhất tạm giao cho ông Lâm Nhất S quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay vốn tại Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đầm D từ thời điểm cha ông còn sống nhưng không biết vay bao nhiêu. Đến năm 2001 khi chuyển dịch S làm vuông, ông là Lâm Nhất S có đứng ra vay thêm. Năm 2008, ông S có bán một phần biền lá cho Ủy ban nhân dân xã Quách Ph để trả bớt nợ cho Ngân hàng, gần đây ông S cũng đã thanh toán nợ hết cho Ngân Hàng.

Năm 2011 khi Nhà nước làm tuyến lộ nhựa Chà L – Quách Ph thì ông S có được nhận tiền bồi thường nhưng diện tích thu hồi và số tiền bồi thường ít vì đã bán cho Nhà nước một phần; phần còn lại ông Ph được nhận tiền bồi thường, số tiền ông Ph được bồi thường bao nhiêu ông không rõ.

Do anh em trong gia đình mới biết phần đất tranh chấp hiện nay nằm trong quyền sử dụng đất của ông T khoảng 2 năm trở lại đây nên từ trước đến nay gia đình ông Ph nhận tiền bồi thường, làm đường sổ nước và bồi đắp phần đất biền anh em ông không ai có ý kiến gì.

Nay ông H yêu cầu ông Ph trả lại cho ông, ông S, bà Ph, bà L là những người thuộc Hng thừa kế của ông T diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có các hướng tiếp giáp như sau: Hướng đông giáy đất ông Lâm Tấn D, hướng tây giáp đất ông T (ông S đã chuyển nhượng một phần cho Ủy ban nhân dân xã Quách Ph), hướng nam giáp lộ Chà L - Quách Ph, hướng bắc giáp sông Bảy H. Đồng thời yêu cầu ông Ph trả lại số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã nhận là 40.000.000 đồng cho các nguyên đơn.

** Nguyên đơn ông Lâm Nhất S và bà Lâm Thị Thanh Ph trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày của ông H, không có ý kiến bổ sung.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Đặng Bé Th trình bày:*

Năm 1995, cha bà là ông Đặng Hồng Ph có nhận chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Văn T phần đất tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, diện tích chuyển nhượng là 14.500m^2, không nhớ giá chuyển nhượng bao nhiêu. Vị trí chuyển nhượng hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị M, hướng tây giáp sông Bảy H, hướng nam giáp ông Lâm Minh T, hướng bắc giáp đất ông Lâm Minh Tr.

Về nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn D, ông D chuyển nhượng cho bà Đ, bà Đ chuyển nhượng cho ông T, các bên chưa làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất (ông D còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Cha bà có thống nhất cùng ông T, ông D, mời chính quyền địa phương thời điểm đó ông Quách Văn D là trưởng ấp, ông Trương Thanh B là địa chính xã cùng mẹ ông S và ông S ra phần đất mà ông T bán đất cho cha bà để xác định ranh giới. Các bên xác định phần đất ông T chuyển nhượng cho cha bà là từ mí sông Bảy H chạy dài vô tới lộ nhựa và từ mí trong lộ nhựa chạy dài ra tới hậu đất. Phần bên trong diện tích khoảng 14.500m^2, phần bên ngoài chưa xác định được diện tích bao nhiêu. Cũng vào thời điểm này cha bà có trả cho mẹ ông S một khoản tiền do có nhận chuyển nhượng một phần đất bên trong. Sau đó gia đình ông S có đại diện ký giáp ranh.

Năm 2010 và 2013 gia đình bà có liên hệ địa chính huyện xuống làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất nhưng địa chính huyện cho rằng gia đình bà không bố trí được giáp ranh (không mời được ông S về do ông S đi làm ăn xa) nên không thực hiện được thủ tục cấp giấy. Từ năm 1995 đến năm 2021 gia đình bà sử dụng đất, cha bà do lớn tuổi nên tạm giao cho người anh rể của bà là ông T quản lý thay vì sống cùng trong gia đình. Quá trình quản lý sử dụng đã có be bờ, khoan đất bồi đắp, Trên phần tranh chấp có một số cây tạp và cây lá D nước tự mọc cùng phần cống sổ. Từ khi nhận chuyển nhượng đến năm 2021 gia đình ông S không ai có ý kiến phản đối gì.

Vào năm 2011, khi Nhà nước làm lộ có thu hồi và bồi thường cho cha bà nhưng bà không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu, nhưng sau khi trừ lại phần cống (nhà nước làm thay, dân chịu tiền) thì số tiền bồi thường được nhận khoảng 23.000.000 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông S, ông H, bà L, bà Ph tôi không thống nhất. Tôi yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất tranh chấp 2.111m^2 thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Ph; không đồng ý trả lại số tiền bồi thường vì ông Ph là người được thụ hưởng theo quy định.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Võ Văn T trình bày:*

Anh là con rễ của ông Ph, sống cùng nhà với ông Ph. Ông Ph có giao cho anh quản lý toàn bộ phần đất nhận chuyển nhượng của ông T tại ấp Xóm D, xã Quách Ph từ năm 2003 đến nay. Quá trình quản lý sử dụng anh có be bờ khoan đất lên phần đất tranh chấp nhưng phía anh em ông H không ai có ý kiến gì. Về phần tiền bồi thường làm lộ ông Ph có nhận nhưng không nhớ cụ thể số tiền được nhận bao nhiêu. Anh xác định phần đất tranh chấp là của ông Ph. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Theo Biên bản ghi lời khai ngày 24/11/2022 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Kh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện:*

Bà là vợ ông D, bà và ông D chung sống năm 1980. Khi chung sống cùng ông D, bà và ông D được cha mẹ chồng tặng cho phần đất tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, diện tích khoảng hơn 14 công tầm lớn, sử dụng vào mục đích trồng lúa. Do canh tác không hiệu quả nên vào năm 1989 vợ chồng bà chuyển nhượng toàn bộ đất lại cho vợ chồng bà Đ. Khi chuyển nhượng thì phần đất này ông D có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa bà không biết vì không nghe ông D nói. Ngoài phần đất đã chuyển nhượng cho bà Đ ra thì bà và ông D không còn phần đất nào khác. Trước khi bán đất cho bà Đ thì bà và ông D chỉ sử dụng phần đất bên trong để trồng lúa, phần biền lá thì không sử dụng nhưng cũng không ai sử dụng; phần đất ông T cũng có biền lá nối liền với phần đất bên trong, nhưng cũng không sử dụng. Sau này khi bà Đ chuyển nhượng cho ông T, ông T chuyển nhượng đất cho ông Ph thủ tục ra sao bà không biết.

Bà cho rằng không liên quan đến phần đất này, cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này nên xin được từ chối tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

** Theo Biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2023 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện:*

Ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án tống đạt cho ông, nhưng do hoàn cảnh gia đình đơn chiếc nên không tham gia giải quyết vụ án theo Th báo của Tòa án. Về tranh chấp giữa các anh em ông H với ông Đặng Hồng Ph ông có ý kiến như sau: Vào năm 1990, ông có nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Th và bà Đ tại ấp Xóm D, xã Quách

Ph, huyện Đầm D. Về nguồn gốc đất trước đó là của ông Nguyễn Văn D, ông D chuyển nhượng cho ông Th và bà Đ, sau đó ông Th và bà Đ mới chuyển nhượng cho ông. Về diện tích và giá chuyển nhượng ông không nhớ chính xác, khi sử dụng chỉ sử dụng phần đất ruộng để trồng lúa, ông Th và bà Đ không nói gì đến phần đất biền, chỉ thấy phần biền có người dọn cây. Ông T sử dụng đất được 1 năm thì cầm cố cho ông Ch, thời hạn là 3 năm (không nhớ họ và lai lịch ông Ch). Ông Ch sử dụng đất được 2 năm thì trả đất cho ông T. Từ khi ông T nhận chuyển nhượng đất đến khi cầm cho ông Ch thì cả ông và ông Ch đều không sử dụng phần đất biền và cũng không thấy ai sử dụng. Năm 1994 ông chuyển nhượng đất lại cho ông Đặng Hồng Ph (tên thường gọi là Tư Cao), chuyển nhượng đúng diện tích ông nhận chuyển nhượng của bà Đ, giá chuyển nhượng là 4 lượng vàng 24k. Giữa ông với ông Ph không làm hợp đồng chuyển nhượng, cũng không xác định ranh giới, do trùng vào thời điểm vợ ông sinh con nên cha vợ ông đứng ra giao dịch với ông Ph và nhận vàng từ ông Ph thay ông. Năm 1995 ông nhận chuyển nhượng đất tại ấp Xẻo S, xã Lâm H, huyện Năm C và sử dụng đến nay.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông D với ông Ph được thực hiện như thế nào ông không biết vì không có tham gia. Ông T xác định ông không còn quyền lợi gì trong phần đất này nên không có yêu cầu gì, ông xin được từ chối tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

** Theo đơn yêu cầu và Đơn xin xét xử vắng mặt của bà Võ Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện:*

Bà là vợ của ông Lâm Thanh T (con của ông Lâm Minh T), ông T đã chết, bà và ông T có 02 người con chung gồm: Lâm Thị Thanh G và Lâm Thị Anh Đ. Bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do điều kiện ở xa, tuổi cao nên bà xin được từ chối tham gia tố tụng, yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

** Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Phượng L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thể hiện:*

Chị xác định chị không có liên quan và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do điều kiện ở xa, việc đi lại khó khăn nên xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

* Đối với anh Nguyễn Văn Nh, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, chị Nguyễn Thị Ngọc Nh, ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị B, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Mỹ L, anh Nguyễn Văn Đ, ông Trần Văn N, chị Trần Ngọc L, chin Lâm Thị Thanh G, chị Lâm Thị Anh Đ, bà Lâm Thị Thanh H và bà Lâm Thị Q là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

của Hội đồng xét xử, thư ký là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên không có kiến nghị, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 203 luật đất đai năm 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, ông H, bà Ph và bà L về việc yêu cầu ông Ph trả lại phần đất theo đo đạc thực tế là 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, ông H, bà Ph và bà L về việc yêu cầu ông Ph trả số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng 40.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ph, công nhận phần đất tranh chấp diện tích 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau thuộc quyền sử dụng của ông.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kh, anh Nguyễn Văn Nh, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, chị Nguyễn Thị Ngọc Nh, ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Phượng L, bà Võ Thị T, bà Lâm Thị Thanh H và bà Phạm Thị Q có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Th, bà Phạm Thị B, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Mỹ L, anh Nguyễn Văn Đô, ông Trần Văn Nói, chị Trần Ngọc L, chị Lâm Thị Thanh G, chị Lâm Thị Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lâm Nhất S, ông Lâm Thanh H, bà Lâm Thị Thanh Ph và bà Lâm Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu ông Đặng Hồng Ph trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau và trả lại số tiền bồi thường giải phòng mặt bằng ông Ph đã nhận 40.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 2 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Phần đất ông S, ông H, bà L và bà Ph đặt ra tranh chấp với ông Ph tọa lạc tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Theo đo đạc thực tế có diện tích 2.111m^2, có các hướng tiếp giáp như sau: Hướng đông giáp đất ông Lâm Tấn Dũng, hướng tây giáp phần đất ông Lâm Minh T (ông S đã chuyển nhượng cho Ủy ban nhân dân xã Quách Ph), hướng nam giáp lộ CH Là – Quách Ph, hướng bắc giáp sông Bảy Háp do ông Lâm Minh T đứng tên quyền sử dụng.

[3.1] Về nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất: Ông H và chị Th trình bày thống nhất với nhau về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn D, ông D chuyển nhượng cho bà Đ, bà Đ chuyển nhượng cho ông T, đến năm 1995

ông T chuyển nhượng cho ông Ph. Từ năm 1995 đến khi tranh chấp thì phần đất biền do ông Ph quản lý, sử dụng. Tuy Nh, ông H xác định qua các lần chuyển nhượng đất các bên không chuyển nhượng đất biền và khoản 2 năm nay anh em ông mới biết phần biền này nằm trong quyền sử dụng đất ông T; chị Th cho rằng khi cha chị chuyển nhượng đất có chuyển nhượng phần đất biền, cha chị không biết phần biền này ông T được cấp giấy.

Xét thấy, lời trình bày của ông H phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Kh và ông Nguyễn Văn T về phần đất tranh chấp là gia đình ông T không sử dụng phần đất biền lá, kể cả bà Kh, bà Đ và ông T cũng không sử dụng và không ai sang bán phần biền lá này. Chị Th xác định ông Ph sử dụng từ năm 1995, dù không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc có sử dụng phần biền nhưng được ông H và anh S thừa nhận. Từ khi chuyển dịch S nuôi tôm năm 2001 ông Ph có làm đường sổ nước nhưng anh em ông H không ai ngăn cản.

Các xác nhận của ông Đinh Tấn Đ (bút lục 72) và ông Lâm Tấn D (bút lục 71) do ông Lâm Thanh H cung cấp có nội dung ông T và anh em ông H có sử dụng phần đất biền lá từ khi được cấp giấy đến nay. Như vậy, các xác nhận này mâu thuẫn trực tiếp với lời trình bày của ông H và ông S nên không có cơ sở để xem xét.

[3.2] Theo Công văn số 05/HĐBT ngày 18/4/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Ủy ban nhân dân huyện Đầm D về việc cung cấp Th tin và sao lục hồ sơ theo Công văn số 97/TA-DS ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm D thể hiện: Dự án xây dựng tuyến đường ô tô về trung tâm xã Quách Ph, thu hồi đối với ông Đặng Hồng Ph diện tích đất 354,50m^2. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được Chủ tịch UBND huyện Đầm D phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 thì ông Đặng Hồng Ph được bồi thường hỗ trợ với số tiền 48.898.258 đồng. Ông H và chị Th đều cho rằng khi thực hiện các thủ tục thu hồi và bồi thường cho ông Ph anh em ông H không ai có ý kiến gì, vấn đề này cũng được ông H thừa nhận.

[3.3] Mặc khác, vào năm 2008, ông S được sự thống nhất của các anh em trong gia đình chuyển nhượng phần đất biền lá cho Ủy ban nhân dân xã Quách Ph, vị trí chuyển nhượng từ mí cống của anh S (chừa lại đường sổ nước) đo qua giáp ranh đất ông Ph ngan khoảng 30m, chạy dài ra đến sông Bảy H, tổng diện tích chuyển nhượng khoảng 2.000m^2, đối chiếu với sơ đồ thu hồi và bồi thường của Hội đồng định giá bồi thường giải phóng mặt bằng thì phần đất ông Ph bị thu hồi liền kề với phần đất bải rác mà Ủy ban xã Quách Ph đã nhận chuyển nhượng của ông S (thửa đất số 17).

[3.4] Đối với hợp đồng chuyển nhượng năm 1995 giữa ông D với ông Ph cùng các thủ tục đăng ký biến động đất đai các nguyên đơn cho rằng giả mạo, có chữ ký của ông T, trong khi ông T đã chết năm 1992. Xét thấy, ông D chuyển nhượng đất cho bà Đ, bà Đ chuyển nhượng cho ông T, ông T chuyển nhượng cho ông Ph, quá trình giải quyết vụ án Tòa án có đưa hàng thừa kế của ông D, hàng thừa kế của bà Đ và ông T vào tham gia tố tụng nhưng các đương sự không yêu

cầu gì liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này nên không đặt ra xem xét về hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng này là phù hợp.

Từ các lập luận nêu Tr có cơ sở xác định ông Lâm Minh T là người được cấp đất nhưng không sử dụng đất từ khi được cấp giấy (năm 1990), sau khi ông T chết vợ và các con ông T cũng không sử dụng. Các con ông T cũng ở địa phương liền kề với phần đất ông Ph, chứng kiến việc ông Ph bồi đắp, làm đường sổ nước, chứng kiến việc thu hồi và bồi thường nhưng không phản đối, chứng tỏ ông Ph là người quản lý, sử dụng đất ổn định, lâu dài nên yêu cầu đòi đất, đòi tiền bồi thường của ông S, ông Ph, bà L và bà Ph là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Cũng với lập luận trên thì yêu cầu phản tố của ông Đặng Hồng Ph về việc công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông, giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp cho ông Ph là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông S, ông H, bà L và bà Ph phải chịu là 4.804.000 đồng (đã nộp); ông Ph không phải chịu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông H, ông S, bà Ph và bà L liên đới phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu trả đất không được chấp nhận là 300.000 đồng và liên đới phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu trả số tiền bồi thường là 2.000.000 đồng (40.000.000 đồng x5%). Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm các đương sự liên đới phải chịu là 2.300.000 đồng (mỗi người phải chịu 575.000 đồng). Tuy Nh, do bà Ph là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn toàn bộ; ông H có đơn xin giảm án phí nên được xét giảm 50%. Như vậy, số tiền án phí ông H phải chịu là 287.500 đồng, ông S và bà L mỗi người phải chịu 575.000 đồng.

Ông Ph không phải chịu án phí.

Vì các lẽ Tr,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 157, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Nhất S, ông Lâm Thanh H, bà Lâm Thị Thanh Ph và bà Lâm Thị Thanh L về việc yêu cầu ông Đặng Hồng Ph trả diện tích đất 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Có các hướng tiếp giáp:

- Hướng đông giáp đất ông Lâm Tấn D đoạn M2M3;

- Hướng tây giáp phần đất ông Lâm Minh T (ông S đã chuyển nhượng cho Ủy ban nhân dân xã Quách Ph) đoạn M1M6;

- Hướng nam giáp lộ Chà L – Quách Ph đoạn M6M5, M5M4 và M4M3;

- Hướng bắc giáp sông Bảy Háp đoạn M1M2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Nhất S, ông Lâm Thanh H, bà Lâm Thị Thanh Ph và bà Lâm Thị Thanh L về việc yêu cầu ông Đặng Hồng Ph trả lại số tiền bồi thường hỗ trợ 40.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Hồng Ph, công nhận phần đất tranh chấp diện tích 2.111m^2 tại ấp Xóm D, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau, có các hướng tiếp giáp nên trên. Ông Đặng Hồng Ph có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn để làm thủ tục đứng tên phần đất được công nhận theo quy định.

(Kèm theo mãnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 23/02/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm D)

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lâm Nhất S, ông Lâm Thanh H, bà Lâm Thị Thanh L và bà Lâm Thị Thanh Ph phải chịu là 4.804.000 đồng (đã nộp); ông Ph không phải chịu.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H, ông S và bà L liên đới phải chịu 1.437.500 đồng (trong đó: Ông H phải chịu 287.500 đồng, ông S phải chịu 575.000 đồng và ông L phải chịu 575.000 đồng). Đối trừ số tiền ông H, ông S và bà L đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.796.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012117 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Đầm D thì ông S, ông H và bà L được nhận lại 358.500 đồng; ông Ph không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai